

Bản án số: 20/2022/DS-ST  
Ngày: 20-5-2022  
“V/v: Tranh chấp di sản thừa kế”

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Dương

**Các hội thẩm nhân dân:**

Ông Trương Văn Ánh

Ông Nguyễn Ngọc Tòng

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Hưng là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị P**, sinh năm 1947 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp T, xã Tân, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Võ Thị Bích T**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp T, xã Tân, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Võ Kim Th**, sinh năm 1968 (có mặt)

ĐKHKT: Số 48F C, phường C, quận N, TP. Cần Thơ.

Tam trú: Tổ 05, ấp T, xã Tân, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà **Võ Thạch N**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu vực T, phường Th, quận N, TP. Cần Thơ.

3/ Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 300/59B C, phường B, quận B, TP. Cần Thơ.

4/ Ông **Võ Thành Tr**, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp T, xã Tân, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Bà Võ Thị Bích H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã Tân, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thi P trình bày:

Bà và ông Võ Văn L cưới nhau năm 1965, vợ chồng bà không có đăng ký kết

hôn. Vợ chồng bà có tất cả là 06 người con bao gồm: thứ hai Võ Kim T, thứ ba Võ Văn M, thứ tư Võ Thạch N, thứ năm Võ Thị Bích H, thứ sáu Võ Thành Tr, thứ bảy Võ Thị Bích Th.

Quá trình chung sống vợ chồng bà có tạo ra tài sản chung là:

Thửa đất số 502, tờ bản đồ số 5, diện tích 419,5m<sup>2</sup> loại đất ONT –CLN (thửa đất mới 31, tờ bản đồ số 19, diện tích 494,7m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm). Gắn liền thửa đất 502 là 01 căn nhà cấp 4 diện tích 80m<sup>2</sup> (chiều ngang khoảng 5m, chiều dài khoảng 16m), nhà cấu tạo: mái lợp tol thiếc, nền lót gạch men, vách ván, cột gỗ; nhà này được vợ chồng bà xây dựng năm 1978, đến năm 2008 vợ chồng có sửa chữa, nâng cấp nhà. Trị giá căn nhà này khoảng 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Căn nhà này hiện nay bà cùng con gái là chị Võ Thị T đang ở.

Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.200m<sup>2</sup>, loại đất CLN (thửa mới thửa 25, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.506,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm)

Cả 02 thửa đất trên đều tọa lạc ấp Tân V, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Thửa đất số 268, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.910m<sup>2</sup>, loại đất LUC (thửa mới thửa 148, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.192,2m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa), tọa lạc ấp T, xã Tân, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Các thửa đất đều do ông Võ Văn L đứng tên quyền sử dụng đất

Vào ngày 27/7/2011 ông Võ Văn L qua đời không để lại di chúc. Do đó, một nửa diện tích đất thuộc các thửa 502, 220, 268 (thửa đất mới 31, 25, 148) và một nửa căn nhà cấp 4 trên thửa 502 nêu trên là di sản thừa kế do ông Võ Văn L để lại; phần còn lại là tài sản của bà.

Thời gian sau, bà đã đề nghị các con thỏa thuận phân chia di sản của ông L là một nửa diện tích đất thuộc các thửa 502, 220, 268 (thửa đất mới 31, 25, 148) và một nửa căn nhà cấp 4 trên thửa 502 nêu trên thì chị Võ Thị Bích Th không đồng ý. Chị Th muốn nhận toàn bộ các thửa 502, 220, 268 (thửa đất mới 31, 25, 148) và một nửa căn nhà cấp 4 trên thửa 502 nêu trên

Bà yêu cầu chia thừa kế 03 phần đất nêu trên cho bà được toàn quyền hưởng di sản của ông Võ Văn L để lại. Bà đồng ý hoàn lại cho những người đồng thừa kế gồm Võ Kim T, Võ Thạch N, Võ Văn M, Võ Thị Bích H, Võ Thành Tr và Võ Thị Bích Th mỗi người giá trị 01 kỷ phần theo giá do Nhà nước quy định.

Bị đơn bà Võ Thị Bích Th trình bày: theo như yêu cầu khởi kiện của mẹ bà thì bà có ý kiến như sau: từ trước đến nay bà sống chung với cha mẹ trong nhà, năm 2016 các anh chị em đều đồng ý để lại 03 phần đất cho bà hưởng, nhưng từ khi chị T về đây thì chị em xảy ra cự cãi, nên bà phải dọn ra ngoài cất nhà ở riêng. Giờ bà có yêu cầu là bà T phải ra khỏi nhà mà cha mẹ bà xây dựng, bà sẽ về nhà phụng dưỡng mẹ bà và bà yêu cầu hưởng hết 03 thửa đất của cha mẹ, bà sẽ nuôi mẹ đến lúc mãn đời. Nếu không thì phải hoàn lại giá trị tôn tạo nhà cho bà là 02 cây vàng 24K, 110.000.000đ. yêu cầu hoàn giá trị xây mồ mã cho ông, bà ngoại là 50.000.000đ. Đồ đạc trong nhà của bà thì yêu cầu lấy lại.

Bà Võ Kim T trình bày: đất tranh chấp là của cha mẹ tạo lập, nay mẹ yêu cầu chia thừa kế thì bà có yêu cầu là kỷ phần bà được hưởng bà đồng ý giao cho mẹ bà là bà Võ Thị P hưởng.

Ông Võ Thành Tr trình bày: đất tranh chấp là của cha mẹ tạo lập, nay mẹ yêu cầu chia thừa kế thì ông có yêu cầu là kỷ phần ông được hưởng ông đồng ý giao cho

mẹ ông là bà Võ Thị P hưởng.

Ông Võ Văn Mi trình bày: đất tranh chấp là của cha mẹ tạo lập, nay mẹ yêu cầu chia thừa kế thì ông có yêu cầu là kỷ phần ông được hưởng ông đồng ý giao cho mẹ ông là bà Võ Thị P hưởng.

Bà Võ Thạch N trình bày: theo bà thì di sản của cha bà để lại phải chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Võ Văn L chết để lại. Bà Võ Thị P được hưởng thừa 148 (268) diện tích 5.171,9m<sup>2</sup>; thừa 25 (220) diện tích 1.506,4m<sup>2</sup>; thừa 31 (502) diện tích 494,7m<sup>2</sup> và căn nhà cấp 4 trên thừa 31 (502). Bà Võ Thị P được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký lại QSD đất.

Buộc bà Võ Thị P có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho bà Võ Thạch N, bà Võ Thị Bích Th một suất thừa kế tương đương với số tiền 38.347.000 đồng. Tạm giao phần hưởng thừa kế của bà Võ Thị Bích H cho bà Võ Thị P quản lý với số tiền là 38.347.000 đồng.

Đối với phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Bích Th do bà không nộp tạm ứng án phí nên chưa có cơ sở để xem xét.

Về án phí: Miễn án phí cho bà P, buộc bà N, bà Th và bà H mỗi người nộp 1.917.000 đồng và chi phí khảo sát đo đạc bà P, bà N, bà H mỗi người phải chịu tương ứng với phần được hưởng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị Bích Th, bà Võ Thạch N, bà Võ Thị Bích H được triệu tập họp lệ gia phiên tòa vào các ngày 22/4/2022 và ngày 20/5/2022 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án phát sinh người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người vắng mặt nơi cư trú. Tòa án có làm thủ tục yêu cầu đương sự làm thủ tục tìm kiếm, tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý làm thủ tục. Xét bà Võ Thị Bích H là con ruột của bà P, có cùng hàng thừa kế của những người liên quan. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan này.

[1] Về hàng thừa kế: Ông Võ Văn L và bà Võ Thị P kết hôn năm 1965, không có đăng ký kết hôn, nhưng đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Ông Võ Văn L và bà Võ Thị P có tất cả 06 người con thứ hai Võ Kim T, thứ ba Võ Văn M, thứ tư Võ Thạch N, thứ năm Võ Thị Bích H, thứ sáu Võ Thành Tr, thứ bảy Võ Thị Bích Th. Ngày 27/7/2011 ông Võ Văn L chết không để lại di chúc, do đó di sản của ông L để lại được chia theo pháp luật được quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự.

Ông Võ Văn L có vợ là bà Võ Thị P, các con gồm Võ Kim T, Võ Văn M, Võ Thạch N, Võ Thị Bích H, Võ Thành Tr, Võ Thị Bích Th đều là hàng thừa kế thứ nhất của ông L.

[2] Về tài sản thừa kế:

Thửa đất số 502, tờ bản đồ số 5, diện tích 419,5m<sup>2</sup> loại đất ONT –CLN (thửa đất mới 31, tờ bản đồ số 19, diện tích 494,7m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm). Giá trị theo giá định giá thửa đất 31(502) là 64.734.000đ.

Gắn liền thửa đất 502 là 01 căn nhà cấp 4 diện tích 80m<sup>2</sup> (chiều ngang khoảng 5m, chiều dài khoảng 16m), nhà cấu tạo: mái lợp tol thiếc, nền lát gạch men, vách ván, cột gỗ; nhà này được vợ chồng bà Phát xây dựng năm 1978, đến năm 2008 vợ chồng có sửa chữa, nâng cấp nhà. Trị giá căn nhà theo giá định giá là 54.863.433đ.

Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.200m<sup>2</sup>, loại đất CLN (thửa mới thửa 25, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.506,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, giá trị theo giá định giá thửa 25(220) là 106.954.400đ

Cả 02 thửa đất trên đều tọa lạc ấp Tân Vĩnh, xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Thửa đất số 148 (268), tờ bản đồ số 8, diện tích 4.910m<sup>2</sup>, loại đất LUC (thửa mới thửa 148, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.192,2m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa), tọa lạc ấp Tân Định, xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Giá trị thửa đất theo giá định giá là 310.314.000đ.

Đối với các thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông Võ Văn L và bà Võ Thị P được quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông Võ Văn L chết năm 2011 nên phát sinh quyền thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của ông gồm vợ ông là bà Võ Thị P và các con gồm Võ Kim T, Võ Văn M, Võ Thạch N, Võ Thị Bích H, Võ Thành T Võ Thị Bích Th. Vì đây là tài sản chung của vợ chồng bà Ph, nên bà có ½ quyền tài sản đối với các thửa đất nêu trên, ½ phần tài sản còn lại sẽ chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất.

Bà Nguyễn Thị Bích Th có phản tố yêu cầu bà Võ Thị P và bà Võ Kim T phải trả lại cho bà số tiền đã bỏ ra nâng cấp nền nhà, làm sân, hàng rào, sảnh và làm lại 02 phần mộ cho ông bà ngoại tổng số là 20 chỉ vàng 24K và 160.000.000đ. Bà Võ Thị Bích T có làm đơn phản tố cho yêu cầu này, nhưng lại không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo số 23 ngày 26/10/2021. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

Qua ý kiến của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng, phần đất mà bà Võ Thị P yêu cầu thì bà Phát có quyền đối với ½ giá trị các thửa đất gồm 31 (502), 25(220), 148 (268) và di sản của cụ Lập để lại là ½ giá trị các thửa đất gồm 31 (502), 25(220), 148 (268). Cụ Võ Văn L chết không để lại di chúc, nên phần di sản của cụ L để lại được chia theo pháp luật. Cụ Võ Thị P sẽ được hưởng toàn bộ các thửa đất nêu trên và hoàn giá trị cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L theo kỹ phần mà họ được hưởng.

Xét ý kiến của bà Võ Kim T, ông Võ Văn M, ông Nguyễn Thành Tr thống nhất giao kỹ phần mà các ông bà được hưởng sẽ giao lại cho cụ Võ Thị Ph.

Cụ thể thửa 31(502) trị giá là 64.734.000đ, cụ P đương nhiên được hưởng 32.367.000 giá trị, giá trị còn lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm cụ P, bà T, ông M, bà N, ông Tr, bà Hạ, bà Th, mỗi người được hưởng 4.623.000đ. Cụ P

sẽ phải hoàn giá trị lại cho bà H, bà Th và bà N mỗi người là 4.623.000đ đối với giá trị thửa đất 31(502).

Căn nhà cấp 4 trị giá theo giá định giá là 54.863.433đ. Bà P được hưởng 27.431.000đ, giá trị còn lại được chia cho 07 kỷ phần, mỗi người được hưởng 3.918.000đ. Cụ Phát sẽ phải hoàn giá trị lại cho bà H, bà Th, bà N mỗi người là 3.918.000đ đối với giá trị căn nhà.

Thửa 25(220) trị giá là 106.954.400đ, cụ P đương nhiên được hưởng 53.477.000đ giá trị, giá trị còn lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm cụ P, bà T ông M, bà N, ông Tr, bà H, bà Th, mỗi người được hưởng 7.639.000đ. Cụ P sẽ phải hoàn giá trị lại cho bà H, bà T và bà N mỗi người là 7.639.000đ đối với giá trị thửa đất 25(220).

Thửa 148 (268) trị giá là 310.314.000đ, cụ P đương nhiên được hưởng 155.157.000đ giá trị, giá trị còn lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm cụ P, bà T, ông M, bà N, ông T, bà H, bà Th, mỗi người được hưởng 22.165.000đ. Cụ P sẽ phải hoàn giá trị lại cho bà H, bà Th và bà N mỗi người là 22.165.000đ đối với giá trị thửa đất 148(268).

Cụ Ph sẽ phải hoàn giá trị đối với 03 thửa đất 31 (502), 25(220), 148 (268) và căn nhà cho bà N, bà H, bà Th tổng cộng mỗi người là 38.345.000đ. Đối với kỷ phần của bà H được hưởng do bà không có mặt tại nơi cư trú sẽ tạm thời giao lại cho bà Ph quản lý, và sẽ giao lại cho bà H khi bà Hạnh trở về địa phương.

[3] Về chi phí khảo sát đo đạc định giá là 5.024.000đ, cụ Võ Thị P phải chịu 3.140.000đ, bà Võ Thạch N, bà Võ Thị Bích H, bà Võ Thị Bích Th mỗi người phải chịu 628.000đ.

[4] Về án phí: Cụ Võ Thị P là người cao tuổi nên được miễn án phí

Bà Võ Thạch N bà Võ Thị Bích H, bà Võ Thị Bích T phải chịu 1.917.000đ án phí dân sự sơ thẩm

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 609, 612, 617, 618, 649, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 165, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Cụ Võ Thị P được quyền hưởng 03 thửa đất số 31 (502), 25(220), 148 (268) và căn nhà trên thửa 31 (502).

Cụ Võ Thị P phải hoàn giá trị lại cho bà Võ Thạch N , Võ Thị Bích H, Võ Thị Bích Th số tiền của mỗi người là 38.345.000đ.

(Kèm theo là 03 trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 15/7/2021 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Bình Tân để thi hành án)

Cụ Võ Thị P có quyền liên hệ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí khảo sát đo đạc định giá là 5.024.000đ, cụ Võ Thị P phải chịu 3.140.000đ, bà Võ Thạch N, bà Võ Thị Bích H, bà Võ Thị Bích T mỗi người phải chịu 628.000đ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, để trả lại cho bà cụ Võ Thị P.

5. Về án phí: Buộc Bà Võ Thạch N, bà Võ Thị Bích H, bà Võ Thị Bích T phải chịu 1.917.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Miễn án phí cho cụ Võ Thị P

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ánh Dương**